

Số: /TANDTC-PC

(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO****Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật  
liên quan đến dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng**

Kính trình: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao đã thực hiện công tác rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng. Trên cơ sở kết quả rà soát, Tòa án nhân dân tối cao báo cáo như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, MỤC ĐÍCH RÀ SOÁT****1. Đối tượng, phạm vi rà soát**

Đối tượng, phạm vi rà soát: các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến dự án Pháp lệnh Chi phí tố tụng gồm:

- Hiến pháp năm 2013.
- Bộ luật, Luật: 10 văn bản.
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng: 01 văn bản.
- Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: 03 văn bản.
- Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ quốc hội: 02 văn bản.
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 02 văn bản.
- Nghị định, Thông tư, Thông tư liên tịch, Quyết định: 25 văn bản.

(Xem chi tiết tại Danh mục văn bản quy phạm pháp luật được rà soát tại Phụ lục kèm theo)

**2. Mục đích rà soát**

Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến dự án Pháp lệnh Chi phí tố tụng nhằm đánh giá mức độ phù hợp của các nội dung của dự án Pháp lệnh Chi phí tố tụng với các quy định của pháp luật hiện hành; đề từ đó đề xuất giải pháp bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của các quy định liên quan đến chi phí tố tụng; bảo đảm tính tương thích, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

## II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

Quá trình rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chi phí tố tụng, dự thảo Pháp lệnh xây dựng phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, phù hợp với một số định hướng quan trọng của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phòng chống tham nhũng, cải cách chính sách tiền lương. Cụ thể, tại mục 4 phần III Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/8/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp quy định: “...*Bãi bỏ các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước như: Tiền bồi dưỡng hợp; tiền bồi dưỡng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án; hội thảo... Thực hiện khoán quỹ lương gắn với mục tiêu tinh giản biên chế cho các cơ quan, đơn vị. Mở rộng cơ chế khoán kinh phí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Không gắn mức lương của cán bộ, công chức, viên chức với việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định chính sách, chế độ không có tính chất lương. Nghiên cứu quy định khoán các chế độ ngoài lương (xe ô tô, điện thoại...). Chỉ ban hành các chính sách, chế độ mới khi đã bố trí, cân đối được nguồn lực thực hiện...*”. Tại dự thảo Pháp lệnh, đối tượng được hưởng chi phí tiền lương đều là chế độ mang tính chất tiền lương, phụ cấp mà không phải chế độ bồi dưỡng, nếu có chế độ bồi dưỡng chỉ là duy trì những quy định đã có.

Tại điểm a, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 quy định: “...*Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của một số Bộ, cơ quan trung ương: Chi cho cơ quan Việt Nam ở nước ngoài; kinh phí bảo đảm hoạt động hệ thống phòng xét xử của ngành Tòa án và một số nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan tư pháp theo quy định của pháp luật...*”, dự thảo Pháp lệnh quy định các loại chi phí tố tụng mang tính chất đặc thù như: Chi phí sao chụp tài liệu, chi phí xác minh, tổng đạt... quy định này phù hợp với Nghị quyết 01/2021/UBTVQH15 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### **1. Về những quy định chung (Chương I dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng)**

#### ***1.1. Về phạm vi điều chỉnh***

a) Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí giám định; định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13) có phạm vi điều chỉnh gồm chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng và người phiên dịch trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự và tố tụng hành chính.

Dự thảo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung các chi phí sau đây:

- Bổ sung các quy định về Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài<sup>1</sup>, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ<sup>2</sup>, chi phí cho người dịch thuật<sup>3</sup>, người chứng kiến<sup>4</sup>, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa<sup>5</sup>.

- Bổ sung chi phí giám định, chi phí cho người phiên dịch, chi phí cho người dịch thuật, chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý theo quy định của Pháp lệnh về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Pháp lệnh về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân theo đề nghị của Chính phủ<sup>6</sup>.

Nội dung này cụ thể hóa và phù hợp với quy định tại Điều 169 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 370 Luật Tố tụng hành chính năm 2015<sup>7</sup>, Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015<sup>8</sup>, phù hợp với quy định tại

---

<sup>1</sup> Khoản 2 Điều 151 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản Điều 352 Luật Tố tụng hành chính đều quy định: *Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho việc thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và của nước được yêu cầu ủy thác tư pháp.*

<sup>2</sup> Khoản 2 Điều 155 và khoản 2 Điều 356 đều quy định: *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho công việc xem xét, thẩm định tại chỗ căn cứ vào quy định của pháp luật.*

<sup>3</sup> Điểm a khoản 4 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: 4. Chi phí tố tụng gồm: a) Chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa; b) Chi phí giám định, định giá tài sản; c) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

<sup>4</sup> Điểm đ khoản 3 Điều 67 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định một trong những quyền của người chứng kiến là: *Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí theo quy định của pháp luật.*

<sup>5</sup> Điểm a khoản 4 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: 4. Chi phí tố tụng gồm: a) Chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa; b) Chi phí giám định, định giá tài sản; c) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

<sup>6</sup> Điều 7 Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 quy định như sau:

1. Chi phí trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm:

a) Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật;

b) Chi phí cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị;

c) Chi phí giám định, chi phí sao chụp tài liệu và các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7 Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 quy định như sau:

1. Chi phí trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính gồm:

a) Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật;

b) Chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị;

c) Chi phí giám định và các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

<sup>7</sup> Điều 169 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 370 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đều quy định: *“Căn cứ vào quy định của Bộ luật này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch; chi phí tố tụng khác do luật khác quy định và việc miễn, giảm chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án”*

<sup>8</sup> Điều 135. Chi phí tố tụng

1. Chi phí trong tố tụng hình sự gồm án phí, lệ phí và các chi phí tố tụng.

2. Án phí gồm án phí sơ thẩm, phúc thẩm hình sự, án phí sơ thẩm, phúc thẩm dân sự trong vụ án hình sự.

3. Lệ phí gồm lệ phí cấp bản sao bản án, quyết định, các giấy tờ khác của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các khoản lệ phí khác mà pháp luật quy định.

4. Chi phí tố tụng gồm:

a) Chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa;

b) Chi phí giám định, định giá tài sản;

Điều 7 Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 và Điều 7 Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15<sup>9</sup>.

b) Bổ sung chi phí cho Hội thẩm

Theo quy định tại khoản 4 Điều 88 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì Hội thẩm được hưởng phụ cấp xét xử, được cấp trang phục, Giấy chứng minh Hội thẩm để làm nhiệm vụ xét xử. Theo Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự thì Hội thẩm được hưởng chế độ bồi dưỡng là 90.000 đồng/phiên tòa, ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ tại Tòa án. Hiện nay ngoài phụ cấp xét xử, chưa có quy định nào quy định về chi phí đi lại, lưu trú và các loại chi phí khác cho Hội thẩm.

Việc quy định chi phí cho Hội thẩm trong Pháp lệnh là phù hợp với Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

c) Bổ sung các chi phí tố tụng khác gồm các loại chi phí sau: (1) Chi phí cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (gồm: chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng ở trong nước; chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng ra nước ngoài theo đường dịch vụ bưu chính); (2) Chi phí xác minh sự có mặt hoặc vắng mặt của đương sự tại nơi cư trú, xác minh tài liệu, chứng cứ; (3) Chi phí bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng; (4) Chi phí sao chụp tài liệu; (5) Chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định; (6) Chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Các loại chi phí này phù hợp với Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính và Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15.

- Trong tố tụng hình sự, để bảo đảm cho việc thực hiện quyền đọc, ghi chép bản sao tài liệu của bị can, người bào chữa... (điểm i khoản 2 Điều 60 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm 1 khoản 1 Điều 73 BLTTHS về quyền của người bào chữa...) cơ quan tiến hành tố tụng phải sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội, bào chữa.

Ngoài ra, điểm c khoản 1 Điều 7 Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 quy định chi phí sao chụp tài liệu là một loại chi phí riêng. Tuy nhiên, điểm c khoản 1 Điều 7 Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 lại không quy định chi phí sao chụp tài liệu là một loại chi phí riêng. Khoản 3 Điều 4 của hai Pháp lệnh đều quy định:

---

*c) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.*

Điều 136. Trách nhiệm chi trả chi phí tố tụng, lệ phí

- 1. Chi phí quy định tại **khoản 4 Điều 135 của Bộ luật này** do các cơ quan, người đã trưng cầu, yêu cầu, chỉ định chi trả; trường hợp Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bào chữa thì do Trung tâm này chi trả.*
- 2. Án phí do người bị kết án hoặc Nhà nước chịu theo quy định của pháp luật. Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án. Mức án phí và căn cứ áp dụng được ghi rõ trong bản án, quyết định của Tòa án.*
- 3. Trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ khi có căn cứ quy định tại **khoản 2 Điều 155 của Bộ luật này** thì bị hại phải trả án phí.*
- 4. Đối với các hoạt động tố tụng do người tham gia tố tụng yêu cầu thì việc chi trả lệ phí, chi phí theo quy định của pháp luật.*

*“Sau khi nhận được thông báo thụ lý hồ sơ của Tòa án cùng cấp, Viện kiểm sát có quyền nghiên cứu hồ sơ tại Tòa án đã thụ lý, có quyền sao chụp hồ sơ vụ việc đó”* và đều có quy định về *“các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật”*.

- Điều 90 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về bảo quản vật chứng, trong quá trình tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng phải bảo quản tài sản kê biên, có nhiều trường hợp vật chứng rất khó bảo quản. Chi phí cho việc bảo quản này rất lớn. Để giải quyết vướng mắc thực tiễn thì cần phải quy định về chi phí này.

- Theo quy định tại Điều 88 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án phải chỉ định người đại diện trong một số trường hợp nhất định và theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 60 Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án chỉ định đại diện đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Các văn bản luật này không quy định về việc người đại diện trong những trường hợp Tòa án phải chỉ định như vậy được thanh toán chi phí khi tham gia tố tụng nhưng thực tiễn cho thấy để đảm bảo quyền của những người này khi tham gia tố tụng (trương tạt những chủ thể khác phải tham gia tố tụng theo yêu cầu của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng) thì phải quy định việc chi trả chi phí cho họ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 430 Bộ luật Tố tụng dân sự thì người yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài; công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài phải chịu chi phí tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam liên quan đến yêu cầu của họ.

## ***1.2. Về miễn, giảm chi phí tố tụng***

- Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 chỉ quy định việc miễn, giảm đối với chi phí giám định. Dự thảo Pháp lệnh kế thừa quy định này, đồng thời bổ sung quy định việc miễn, giảm đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

- Ngoài ra, Pháp lệnh còn sửa đổi, bổ sung đối tượng được miễn, giảm theo hướng (1) mở rộng trường hợp được miễn, bao gồm: Trẻ em, cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi được hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ; (2) sửa đổi trường hợp được giảm là người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp, đảm bảo đồng bộ với việc quy định về miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Nội dung này phù hợp với Hiến Pháp, Luật Người cao tuổi, Luật Trẻ em, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14<sup>10</sup>, Pháp lệnh người có công với cách mạng và các bộ luật tố tụng và công ước quốc tế về quyền trẻ em.

---

<sup>10</sup> Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án “ Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận

## **2. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài (Chương II dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng)**

Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 chưa quy định về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài do Pháp lệnh này được ban hành trước và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là quy định mới của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng không có quy định về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong tố tụng hình sự.

Hiện nay, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, trong đó quy định về xác định chi phí, nghĩa vụ chịu chi phí; trình tự, thủ tục thu, nộp chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp; trình tự chuyển và thanh toán tạm ứng chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, căn cứ xác định mức tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng;... đã được quy định tại Luật Tương trợ tư pháp, Nghị định số 92/2008/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC, Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG. Điều 169 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 370 của Luật Tố tụng hành chính giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể về các chi phí tố tụng trong đó có chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; do đó, dự thảo Pháp lệnh bổ sung một chương mới về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài với các nội dung cụ thể như sau:

### ***2.1. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính theo pháp luật tương trợ tư pháp***

- Dự thảo Pháp lệnh bổ sung quy định về xác định chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài như sau: (1) Chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp, thông báo kết quả thực hiện của nước được ủy thác tư pháp; (2) Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài; (3) Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước ngoài; (4) Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.

Dự thảo Pháp lệnh pháp điển hóa quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự. Nội dung này phù hợp với quy định của các bộ luật tố tụng và Luật Tương trợ tư pháp.

- Bổ sung quy định về nghĩa vụ nộp tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài như sau: 1. Đương sự quy định tại Điều 152 và Điều 153

---

nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ”.

Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định việc giảm tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án “Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú thì được Tòa án giảm 50% mức tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án mà người đó phải nộp”

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 353 và Điều 354 của Luật Tố tụng hành chính có nghĩa vụ nộp tạm ứng, chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đối với các yêu cầu tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ việc dân sự và tổng đạt quyết định kháng nghị, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Dự thảo Pháp lệnh đã pháp điển hóa quy định tại khoản 3 Điều 3<sup>11</sup> Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 giữa Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; bổ sung chủ thể có nghĩa vụ nộp tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong vụ án hành chính. Đồng thời, bổ sung quy định Nhà nước bảo đảm kinh phí để Tòa án thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam trong trường hợp đương sự ở nước ngoài không có người đại diện hợp pháp tại Việt Nam, không có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc đương sự này không ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tại Việt Nam, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam nhận văn bản tố tụng. Quy định này nhằm giải quyết vướng mắc trong thực tiễn, đảm bảo phù hợp với quy định của các đạo luật tố tụng và pháp luật về tương trợ tư pháp.

## ***2.2. Về chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính thông qua cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài***

- Bổ sung quy định về xác định chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, chịu chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng như sau: Chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng thông qua Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài bao gồm tiền cước bưu chính ở trong nước, tiền cước bưu chính ở nước ngoài, tiền dịch văn bản tố tụng và chứng thực chữ ký người dịch. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, chịu chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được xác định theo quy định tại Điều 152, Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 353, Điều 354 của Luật Tố tụng hành chính.

Nội dung này pháp điển hóa một số nội dung quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG<sup>12</sup> ngày 05/12/2019 giữa Tòa án nhân dân tối cao với Bộ Ngoại giao quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa Tòa án nhân dân và cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính

<sup>11</sup> khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC

<sup>12</sup> Điều 3. Giải thích từ ngữ “3. Chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng” là các khoản tiền sau đây: tiền cước bưu chính ở trong nước, tiền cước bưu chính ở nước ngoài, phí chuyển tiền qua ngân hàng, tiền dịch văn bản tố tụng và chứng thực chữ ký người dịch

Điều 11. Đương sự có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng  
Đương sự quy định tại Điều 152 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 353 của Luật tố tụng hành chính phải nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng quy định tại khoản 3 Điều 3 và Điều 13 của Thông tư liên tịch này.

ở nước ngoài (không xác định “phí chuyển tiền qua ngân hàng” trong chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án).

- Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục thu, nộp chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng như sau:

1. Đương sự nộp tiền tạm ứng chi phí cho Tòa án để tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với chi phí bưu chính ở nước ngoài; chi phí bưu chính, tiền dịch văn bản tố tụng và chứng thực chữ ký người dịch trong nước trong trường hợp đương sự cư trú ở nước ngoài; 2. Đương sự có nghĩa vụ thanh toán trực tiếp chi phí bưu chính, tiền dịch văn bản tố tụng và chứng thực chữ ký người dịch trong nước cho tổ chức cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch thuật. Trường hợp đương sự ở nước ngoài thì Tòa án sử dụng tiền tạm ứng chi phí để chi trả chi phí bưu chính, tiền dịch văn bản tố tụng và chứng thực chữ ký người dịch trong nước; 3. Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các yêu cầu tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án bằng kinh phí ngân sách Nhà nước; Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa gửi cho Tòa án bản chụp hóa đơn thực tế thanh toán chi phí bưu chính gửi hồ sơ tổng đạt của Tòa án cho đương sự ở nước sở tại; Tòa án căn cứ hóa đơn thực tế nhận được để chuyển tiền tạm ứng mà đương sự đã nộp cho ngân sách nhà nước thông qua Bộ Ngoại giao; 3. Trình tự, thủ tục thu, nộp chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc quy định trình tự, thủ tục nêu trên nhằm rút ngắn thời gian và tiết kiệm cho đương sự chi phí chuyển tiền qua ngân hàng khi Tòa án chuyển tiền cước bưu chính ở nước ngoài cho Cơ quan đại diện. Nội dung này liên quan Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG. Do đó, khi Pháp lệnh này được ban hành và có hiệu lực thì phải sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG nêu trên.

### ***2.3. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong tố tụng hình sự theo pháp luật tương trợ tư pháp***

- Bổ sung quy định về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự như sau: Căn cứ nội dung yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể, cơ quan có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự được chi trả một số chi phí sau đây: 1. Chi phí xử lý hồ sơ ủy thác tư pháp; 2. Chi phí dịch tài liệu; 3. Chi phí triệu tập người làm chứng, người giám định; 4. Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài; 5. Chi phí chuyển phát tài liệu, hồ sơ tương trợ tư pháp ra nước ngoài; 6. Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước ngoài; 7. Chi phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.

Nội dung này pháp điển hóa một số nội dung quy định tại Điều 3 Thông tư số 144/2012/TT-BTC ngày 04 tháng 09 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp và phù hợp với các quy định của Luật Tương trợ tư pháp, Bộ luật Tố tụng hình sự.



- Bổ sung quy định về nghĩa vụ chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự như sau: 1. Nhà nước bảo đảm chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự. 2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài cùng là thành viên của điều ước quốc tế thì chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự được thực hiện theo điều ước quốc tế đó. 3. Trường hợp Việt Nam và nước ngoài chưa cùng là thành viên của điều ước quốc tế thì việc chi trả chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài về hình sự được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.

Nội dung này kế thừa và pháp điển hóa các quy định tại Điều 31 Luật Tương trợ tư pháp<sup>13</sup>, Điều 2 và Điều 5<sup>14</sup> Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 08 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tương trợ tư pháp.

### **3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (Chương III dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng)**

Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 chưa quy định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do Pháp lệnh này được ban hành trước và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là quy định mới của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Dự thảo Pháp lệnh bổ sung một chương mới về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với các nội dung cụ thể như sau:

Quy định bổ sung xác định chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bao gồm: (1)

---

<sup>13</sup> Điều 31. Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự “Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài do nước yêu cầu chi trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trong trường hợp Việt Nam chịu chi phí cho việc thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự thì chi phí đó do ngân sách nhà nước bảo đảm”.

<sup>14</sup> Điều 2. Nguyên tắc trả chi phí thực hiện tương trợ tư pháp

1. Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù giữa Việt Nam và nước ngoài do nước yêu cầu chi trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Thuật ngữ “thỏa thuận khác” theo quy định tại khoản 1 Điều 16, Điều 31, Điều 48 và Điều 60 của Luật Tương trợ tư pháp là điều ước quốc tế theo quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế theo quy định của Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

2. Trường hợp Việt Nam và nước ngoài chưa có thỏa thuận quy định tại khoản 1 Điều này thì việc chi trả chi phí thực hiện tương trợ tư pháp được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.

3. Cá nhân, tổ chức Việt Nam yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự làm phát sinh yêu cầu ủy thác tư pháp ra nước ngoài (sau đây gọi là người yêu cầu) phải trả chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự, trừ cá nhân được hỗ trợ phí theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

Điều 5. Bảo đảm kinh phí của nhà nước thực hiện tương trợ tư pháp

1. Chi phí của Nhà nước trong thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù có trách nhiệm lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động tương trợ tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý của mình theo các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động tương trợ tư pháp.

Chi phí thù lao cho người tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ; (2) Chi phí sử dụng dịch vụ; (3) Chi phí đi lại; (4) Chi phí lưu trú; (5) Chi phí khác theo quy định của pháp luật. Quy định bổ sung người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; thanh toán chi phí xem xét thẩm định tại chỗ

Nội dung tại Chương này được quy định tương tự như các chi phí tố tụng khác trong dự thảo Pháp lệnh, đồng thời giải quyết vướng mắc trong thực tiễn do chưa có quy định cụ thể nên các Tòa án thực hiện việc thu, nộp chi phí này không thống nhất.

#### **4. Về chi phí giám định (Chương IV dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng)**

Chi phí giám định đã được quy định cụ thể tại Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13. Dự thảo Pháp lệnh kế thừa các quy định hiện hành, ngoài ra có sửa đổi, bổ sung quy định về xác định chi phí giám định; về trách nhiệm, nghĩa vụ chi trả, thanh toán chi phí giám định trong tố tụng dân sự, hành chính và trong tố tụng hình sự; về chi phí giám định trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Cụ thể như sau:

- Dự thảo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung quy định về xác định chi phí giám định như sau: 1. Chi phí cho việc thực hiện giám định bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây: Chi phí tiền lương, thù lao cho người thực hiện giám định; Chi phí vật tư tiêu hao; Chi phí sử dụng dịch vụ; Chi phí khấu hao máy móc, phương tiện, thiết bị; Chi phí khác theo quy định của pháp luật. 2. Chi phí cho việc trưng cầu, yêu cầu giám định bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây: Chi phí vận chuyển đối tượng giám định; Chi phí khác phát sinh (nếu có). 3. Chi phí cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tham gia tố tụng bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây: Chi phí đi lại; Chi phí lưu trú; Thù lao cho việc tham gia tố tụng của người thực hiện giám định.

Theo Điều 9 Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 thì việc xác định chi phí giám định chỉ tính đến các chi phí cần thiết và hợp lý cho việc thực hiện giám định mà chưa tính đến các chi phí như: chi phí vận chuyển đối tượng giám định, chi phí đi lại, lưu trú cho người thực hiện giám định tham gia tố tụng.... Việc quy định bổ sung các chi phí này đảm bảo giải quyết vướng mắc thực tiễn công tác giám định do đây là những hoạt động thực tế có phát sinh chi phí. Quy định này phù hợp với Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Điều 37 Luật Giám định tư pháp.

- Dự thảo Pháp lệnh bổ sung cách xác định chi phí tiền lương, thù lao cho người thực hiện giám định; chi phí khấu hao phương tiện máy móc thiết bị và chi phí vật tư tiêu hao; chi phí sử dụng dịch vụ và chi phí khác. Quy định này Pháp điển hóa Điều 4, Điều 5 Nghị định 81/2014/NĐ-CP ngày 14/8/2014 quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng. Các quy định này phù hợp với thực tế.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ chi trả, thanh toán chi phí giám định trong tố tụng hình sự như sau:

Về trách nhiệm, nghĩa vụ chi trả chi phí giám định: (1) Cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định có trách nhiệm chi trả chi phí giám định. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng không phải chịu chi phí giám định; người bị hại yêu cầu khởi tố phải hoàn trả cho cơ quan tiến hành tố tụng chi phí giám định đã nộp. (2) Cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập người giám định tham gia tố tụng có trách nhiệm chi trả; (3) Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng nhận được tin báo, tố giác tội phạm và ra văn bản yêu cầu giám định nhưng sau đó không có căn cứ khởi tố vụ án hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng đó có trách nhiệm chi trả chi phí giám định.

Về thanh toán chi phí giám định trong tố tụng hình sự bao gồm: (1) Cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu giám định có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định theo mức, thời hạn, phương thức mà tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định thông báo. (2) Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng thể hiện rõ trong bản án, quyết định đình chỉ vụ án về trách nhiệm của bị hại phải hoàn trả cho cơ quan tiến hành tố tụng chi phí giám định mà cơ quan tiến hành tố tụng đã nộp cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định. (3) Người đã đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng mà không được chấp nhận và tự mình yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện giám định, nếu kết quả giám định không có giá trị cho việc giải quyết vụ án thì phải chịu chi phí giám định; nếu kết quả giám định có giá trị cho việc giải quyết vụ án thì cơ quan tiến hành tố tụng đã từ chối trưng cầu giám định phải hoàn trả chi phí giám định mà người yêu cầu giám định đã nộp cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định. (4) Tòa án thanh toán các chi phí cần thiết cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tham gia tố tụng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 của Pháp lệnh này khi nhận được đầy đủ hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

Quy định này giải quyết vướng mắc thực tiễn và để phù hợp khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, theo đó việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố thì cơ quan có thẩm quyền có quyền trưng cầu giám định.

- Bổ sung quy định về chi phí giám định trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính như sau: (1) Cơ quan trưng cầu giám định trong quá trình Tòa án xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm nộp tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định. (2) Cơ quan trưng cầu giám định trong quá trình Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm nộp tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.

Quy định này được bổ sung để quy định cụ thể chi phí giám định trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

## **5. Về chi phí định giá tài sản (Chương V dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng)**

Chi phí định giá tài sản đã được quy định cụ thể tại Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13. Dự thảo Pháp lệnh kế thừa các quy định hiện hành, ngoài ra có sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản; trách nhiệm chi trả, nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản; quy định riêng biệt về thanh toán chi phí định giá tài sản trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính và trong tố tụng hình sự... để phù hợp, thống nhất với các quy định tại các điều từ Điều 163 đến Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, từ Điều 364 đến Điều 367 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Dự thảo Pháp lệnh bổ sung quy định về cách xác định chi phí tiền lương, thù lao cho người thực hiện định giá; chi phí thu thập, phân tích thông tin đối tượng cần định giá; chi phí vật tư tiêu hao, chi phí sử dụng dịch vụ và chi phí khác. Quy định này pháp điển hóa Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định 81/2014/NĐ-CP ngày 14/8/2014 quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng.

Dự thảo Pháp lệnh bỏ quy định về chi phí định giá bổ sung do các bộ luật, luật tố tụng không quy định về định giá bổ sung mà chỉ quy định về định giá lại, cụ thể như sau: 1. Trong tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giá lại thì phải nộp tiền tạm ứng và chi trả chi phí định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 39 của Pháp lệnh này. 2. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, đương sự có yêu cầu định giá lại được Tòa án chấp nhận ra quyết định định giá tài sản có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá và chi trả chi phí định giá. Trường hợp Tòa án quyết định việc định giá lại thì nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 39 của Pháp lệnh này. 3. Trình tự, thủ tục nộp tạm ứng chi phí định giá, thanh toán chi phí định giá đối với định giá lại được thực hiện theo quy định tại Chương này.

Nội dung này phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 218 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 5 Điều 91 Luật tố tụng hành chính<sup>15</sup>.

---

<sup>15</sup> Khoản 5 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “5. Việc định giá lại tài sản được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án dân sự”

Điều 218 Bộ luật hình sự quy định: “Trường hợp có nghi ngờ kết luận định giá lần đầu, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tự mình hoặc theo đề nghị của người bị buộc tội, người tham gia tố tụng khác ra văn bản yêu cầu định giá lại tài sản. Việc định giá lại tài sản do Hội đồng định giá tài sản cấp trên trực tiếp thực hiện.

2. Trường hợp có mâu thuẫn giữa kết luận định giá lần đầu và kết luận định giá lại về giá của tài sản cần định giá, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giá lại lần thứ hai. Việc định giá lại lần thứ hai do Hội đồng định giá tài sản có thẩm quyền thực hiện. Kết luận định giá lại trong trường hợp này được sử dụng để giải quyết vụ án.”

Dự thảo Pháp lệnh còn quy định về việc bảo đảm kinh phí chi trả chi phí định giá, định giá lại tài sản trong tố tụng hình sự. Quy định này pháp điển hóa Điều 24 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản, trình tự thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

## **6. Về chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến, chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật (Chương VI, VII dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng)**

- Chi phí cho người làm chứng được quy định cụ thể tại Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13, Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14/8/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng. Dự thảo Pháp lệnh kế thừa quy định của pháp luật hiện hành, pháp điển hóa một số quy định về thủ tục thanh toán chi phí cho người làm chứng trong Nghị định số 81/2014/NĐ-CP, ngoài ra còn bổ sung quy định về thời hạn cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ đề nghị thanh toán và thực hiện chi trả chi phí cho người làm chứng theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo người làm chứng được thanh toán chi phí nhanh chóng.

- Về chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật, người chứng kiến: Chi phí cho người phiên dịch được quy định cụ thể tại Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13, Nghị định số 81/2014/NĐ-CP và được áp dụng đối với người phiên dịch dịch nói và dịch tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số. Chi phí cho người dịch thuật, người chứng kiến trong tố tụng hình sự chưa có quy định cụ thể do đây là quy định mới của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, ngoài ra Bộ luật Tố tụng hình sự quy định riêng chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật. Do đó, dự thảo Pháp lệnh đã gộp chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật, quy định bổ sung chi phí cho người chứng kiến, đồng thời quy định chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, cụ thể như sau:

- Bổ sung khái niệm về chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật, theo đó (1) Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho người phiên dịch, người dịch thuật do cơ quan tiến hành tố tụng xác định căn cứ vào quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. (2) Người biết chữ của người khuyết tật nhìn hoặc biết nghe, nói bằng ngôn ngữ, ký hiệu của người khuyết tật nghe, nói cũng được coi là người phiên dịch, người dịch thuật.

Quy định này phù hợp với Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 168 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 64 của Luật Tố tụng hành chính.

---

Khoản 5 Điều 91 Luật Tố tụng hành chính quy định: “Việc định giá lại tài sản được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án hành chính”.

- Dự thảo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung quy định về xác định chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật; nghĩa vụ chi trả, nộp chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật; thủ tục thanh toán... tương tự như quy định đối với chi phí cho người làm chứng.

Quy định này kế thừa quy định của Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13, pháp điển hóa Điều 19 Nghị định số 81/2014/NĐ-C, phù hợp với Điều 167, 168 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 368, 369 Luật Tố tụng hành chính và Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 và Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15.

Dự thảo Pháp lệnh quy định về tiền công cho người phiên dịch, người dịch thuật. Quy định này kế thừa có sửa đổi bổ sung Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 quy định về chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước<sup>16</sup>.

## **7. Về chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân (Chương VIII dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng)**

Chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp chỉ định người bào chữa được quy định tại Điều 57 Luật Luật sư, Điều 19 Nghị định số

---

<sup>16</sup> Điều 11. Chi dịch thuật

### 1. Chi biên dịch

a) Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt (gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha): 150.000 đồng/trang (350 từ);

b) Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc: 180.000 đồng/trang (350 từ);

c) Đối với các ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc, tùy theo mức độ phổ biến của ngôn ngữ đó trên địa bàn cơ quan, đơn vị, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% so với mức chi biên dịch tại điểm a và điểm b Khoản 1 Điều này.

### 2. Chi dịch nói

a) Dịch nói thông thường: 250.000 đồng/giờ/người, tương đương 2.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng;

b) Dịch đũa (dịch đồng thời): 500.000 đồng/giờ/người, tương đương 4.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng;

c) Trong trường hợp đặc biệt tổ chức các hội nghị quốc tế có quy mô lớn hoặc các hội nghị song phương, đàm phán ký kết hiệp định, công ước, hội nghị chuyên ngành, đón tiếp đoàn khách hạng đặc biệt hoặc đoàn khách hạng A cần phải thuê phiên dịch có trình độ dịch đũa cao hơn quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này để đảm bảo chất lượng của hội nghị, thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị quyết định mức chi dịch nói cho phù hợp và phải tự sắp xếp trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện;

d) Trường hợp phải thuê phiên dịch tham gia đón tiếp đoàn khách tham dự hội nghị quốc tế, thì tùy trường hợp cụ thể, cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị quyết định việc thanh toán các khoản chi phí đi lại (nếu có), phòng nghỉ, tiêu chuẩn ăn hàng ngày của người phiên dịch tối đa bằng chế độ đón tiếp đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài.

123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Thông tư liên tịch số 191/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 12/12/2014 hướng dẫn về thù lao và thanh toán chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng; điểm b khoản 3 Điều 13 Luật Trợ giúp pháp lý, khoản 5 Điều 13 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý. Chi phí cho bào chữa viên nhân dân là người bào chữa do Tòa án chỉ định, chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong thủ tục xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân hiện nay chưa có quy định cụ thể.

Dự thảo Pháp lệnh bổ sung một chương mới về chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân. Chương này quy định về (1) chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa; (2) chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong thủ tục xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân. Cụ thể như sau:

- Bổ sung quy định về trách nhiệm chi trả chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân theo hướng: (1) Cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định người bào chữa, Tòa án yêu cầu có trách nhiệm trả chi phí cho người bào chữa, người bảo vệ quyền, lợi ích của người bị đề nghị là luật sư do Đoàn luật sư phân công. (2) Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước có trách nhiệm chi trả chi phí cho người bào chữa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị đề nghị là trợ giúp viên pháp lý, luật sư bào chữa trong trường hợp Trung tâm này cử người bào chữa. (3) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm chi trả chi phí cho người bào chữa là bào chữa viên nhân dân.

Nội dung này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Trợ giúp pháp lý.

- Bổ sung quy định về xác định chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa; chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong thủ tục xem xét, quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân theo hướng viện dẫn đến các quy định hiện hành là pháp luật về luật sư và pháp luật về trợ giúp pháp lý; đối với chi phí cho bào chữa viên nhân dân thì việc xác định chi phí được xác định theo pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Nội dung này đảm bảo giữ nguyên các quy định về thù lao và chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý tại Điều 19 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP, Điều 2 Thông tư liên tịch số 191/2014/TTLT-BTC-BTP; điểm b khoản 3 Điều 13 Luật Trợ giúp pháp lý, khoản 5 Điều 13 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP và phù hợp với Bộ

luật Tố tụng hình sự, Luật Luật sư, Luật Trợ giúp pháp lý, Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15, Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15.

- Bổ sung quy định về thủ tục thanh toán chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa; chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong thủ tục xem xét, quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân theo hướng pháp điển hóa một số quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch 191/2014/TTLT-BTC-BTP, hồ sơ đề nghị thanh toán được quy định tương tự như hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí cho người làm chứng (khoản 2 Điều 47 dự thảo Pháp lệnh).

## **8. Về chi phí cho Hội thẩm nhân dân (chương IX dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng)**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 88 Luật Tố chức Tòa án nhân dân thì Hội thẩm được hưởng phụ cấp xét xử, được cấp trang phục, Giấy chứng minh Hội thẩm để làm nhiệm vụ xét xử. Hiện nay, theo Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự thì Hội thẩm được hưởng chế độ bồi dưỡng là 90.000 đồng/phiên tòa, ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ tại Tòa án<sup>17</sup>. Mức bồi dưỡng nêu trên là rất thấp, không còn phù hợp, không bảo đảm quyền lợi cho Hội thẩm. Do đó, dự thảo Pháp lệnh bổ sung một chương mới về chi phí cho Hội thẩm nhân dân với nội dung cụ thể như sau:

Bổ sung quy định về chi phí cho Hội thẩm nhân dân bao gồm: (1) Phụ cấp xét xử; (2) Chi phí đi lại; (3) Chi phí lưu trú; (4). Các chi phí khác theo quy định của pháp luật. Quy định về phụ cấp xét xử theo hướng: (1) Phụ cấp xét xử của Hội thẩm nhân dân tính theo thời gian thực tế tham gia phiên tòa và ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ; (2) Mức phụ cấp xét xử cho thời gian tham gia phiên tòa và ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm nhân dân bằng 0,4 mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, tính theo ngày lương do Nhà nước quy định; (3) Thời gian tham gia phiên tòa, thời gian làm việc nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm được Tòa án, Thẩm phán trực tiếp giải quyết vụ án xác nhận.

Quy định này pháp điển hóa Điều 2 Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự, đồng thời bổ sung chi phí đi lại,

---

<sup>17</sup> Mức bồi dưỡng 90.000 đồng/phiên tòa, ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ tại Tòa án của Hội thẩm tương đương 190% mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, tính theo ngày lương do Nhà nước quy định (Lương cơ sở năm 2012 là 1.050.000đ/tháng). Ngoài ra, Trưởng đoàn Hội thẩm được hưởng phụ cấp hoạt động là 40% mức lương cơ sở/tháng và Phó Trưởng đoàn Hội thẩm được hưởng phụ cấp hoạt động là 30% mức lương cơ sở/tháng - Điều 22 Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2013 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm.



chi phí lưu trữ, chi phí khác theo quy định của pháp luật để phù hợp với chi phí thực tế phát sinh đối với Hội thẩm và phù hợp với các loại chi phí khác của dự thảo Pháp lệnh.

## **9. Về chi phí tổ chức phiên tòa trực tuyến (Chương X dự thảo Pháp lệnh chi phí tố tụng)**

Dự thảo Pháp lệnh bổ sung một chương mới về chi phí tổ chức phiên tòa trực tuyến với các nội dung cụ thể như sau:

- Chi phí tổ chức phiên tòa trực tuyến bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây: (1). Chi phí thuê đường truyền mạng; (2). Chi phí thuê trang thiết bị đối với đơn vị chưa có trang thiết bị.

- Trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức phiên tòa trực tuyến: Chi phí tổ chức phiên tòa trực tuyến do ngân sách Nhà nước bảo đảm. Chi phí này được lấy từ kinh phí chi đặc thù hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.

Quy định này phù hợp với Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Tổ chức phiên tòa trực tuyến và phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, giải quyết các vướng mắc trên thực tiễn.

## **10. Về chi phí cấp, tổng đạt văn bản tố tụng (Chương XI dự thảo Pháp lệnh chi phí tố tụng)**

### ***10.1. Về chi phí cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng trong nước***

Dự thảo Pháp lệnh bổ sung chi phí cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính; chi phí cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết, thông báo văn bản tố tụng trong tố tụng hình sự. Các quy định này phù hợp với chương X Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 137, Điều 138 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là chi phí phát sinh trong quá trình Tòa án thực hiện cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng quy định tại Chương X Bộ luật Tố tụng dân sự, Chương VII Luật Tố tụng hành chính. Đây là chi phí thực tế phát sinh tại Tòa án và Tòa án gặp nhiều vướng mắc do chưa có quy định về chủ thể có nghĩa vụ chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết phải tiến hành thông báo.

Dự thảo Pháp lệnh quy định chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng như sau:

- Bổ sung quy định nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo hướng: (1) đương sự yêu cầu thì có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng và chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; (2) Trường hợp Tòa án thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng khi có căn cứ xác định việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo thì nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Việc quy định nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng, chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là do yêu cầu khởi kiện của họ làm phát sinh hoạt động tố tụng phải chi phí mà không có người yêu cầu. Quy định này phù hợp và thống nhất với các chi phí tố tụng khác trong Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính.

Việc quy định người yêu cầu hoặc nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho Tòa án là phù hợp với các loại chi phí khác của dự thảo Pháp lệnh. Việc quy định Tòa án nộp tiền tạm ứng là do việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thuộc trách nhiệm của Tòa án nên Tòa án phải nộp tiền tạm ứng cho cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình cung cấp dịch vụ thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

## ***10.2. Về chi phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo dịch vụ bưu chính***

Dự thảo Pháp lệnh quy định về các loại văn bản tổng đạt ra nước ngoài theo đường dịch vụ bưu chính, nghĩa vụ chịu và phương thức thanh toán chi phí tổng đạt ra nước ngoài văn bản tố tụng theo dịch vụ bưu chính

Các quy định này giải quyết vướng mắc trên thực tiễn và phù hợp với Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính.

## **11. Về chi phí tố tụng khác (chương XII dự thảo Pháp lệnh Chi phí tố tụng)**

Dự thảo Pháp lệnh bổ sung một chương mới về chi phí tố tụng khác với các nội dung cụ thể như sau:

### ***11.1. Chi phí bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng***

Dự thảo Pháp lệnh quy định về chi phí bảo quản tài liệu, chứng cứ, vật chứng gồm: (1). Chi phí sử dụng dịch vụ; (2) Chi phí khác theo quy định của pháp luật. Trách nhiệm chi trả bảo quản tài liệu, chứng cứ vật chứng do Nhà nước bảo đảm. Chi phí này được lấy từ kinh phí chi đặc thù hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.

Quy định này phù hợp với Điều 90 Bộ luật tố tụng hình sự<sup>18</sup> và giải quyết vướng mắc trên thực tiễn.

---

<sup>18</sup> 1. Vật chứng phải được bảo quản nguyên vẹn, không để mất mát, lẫn lộn, hư hỏng. Việc bảo quản vật chứng được thực hiện như sau:

a) Vật chứng cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay sau khi thu thập. Việc niêm phong, mở niêm phong được lập biên bản và đưa vào hồ sơ vụ án. Việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng được thực hiện theo quy định của Chính phủ;

b) Vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, vũ khí quân dụng phải được giám định ngay sau khi thu thập và phải chuyển ngay để bảo quản tại Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan chuyên trách khác. Nếu vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ lưu dấu vết của tội phạm thì tiến hành niêm phong theo quy định tại điểm a khoản này; vật chứng là vi khuẩn nguy hại, bộ phận cơ thể người, mẫu mô, mẫu máu và các mẫu vật khác của cơ thể người được bảo quản tại cơ quan chuyên trách theo quy định của pháp luật;

## ***11.2. Chi phí sao chụp tài liệu***

Theo quy định tại Điều 45 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì người yêu cầu Tòa án sao chụp tài liệu phải nộp tiền lệ phí Tòa án; lệ phí sao chụp tài liệu là 1.500đ/trang A4. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chỉ quy định về lệ phí sao chụp tài liệu tại Tòa án, chưa có quy định về chi phí sao chụp tài liệu tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân trong các trường hợp: (1) đảm bảo quyền của bị can được đọc, ghi chép bản sao tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội<sup>19</sup>; (2) quyền sao chụp tài liệu liên quan đến việc bào chữa của người bào chữa tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân<sup>20</sup>; và cũng chưa có quy định về chi phí sao chụp hồ sơ vụ việc theo yêu cầu của Viện kiểm sát trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Do đó, dự thảo Pháp lệnh bổ sung quy định về chi phí sao chụp tài liệu như sau:

- Bổ sung quy định chi phí sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội trong tố tụng hình sự như sau: (1) Nhà nước bảo đảm kinh phí đối với chi phí sao chụp tài liệu trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng phải sao chụp tài liệu cung cấp cho bị can để đảm bảo quyền của bị can được đọc, ghi chép bản sao tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội quy định tại điểm i khoản 2 Điều 60 Bộ luật Tố tụng hình sự và chi phí sao chụp tài liệu là 1.500 đồng/trang A4; (2) Bị can, người bào chữa có yêu cầu được đọc, ghi chép bản sao tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội thì phải chịu chi phí sao chụp tài liệu là 1.500 đồng/trang A4.

---

c) Vật chứng không thể đưa về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để bảo quản thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giao vật chứng đó cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đồ vật, tài sản hoặc người thân thích của họ hoặc chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có vật chứng bảo quản;

d) Vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khó bảo quản thì cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi quyền hạn của mình quyết định bán theo quy định của pháp luật và chuyển tiền đến tài khoản tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền tại Kho bạc Nhà nước để quản lý;

đ) Vật chứng đưa về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo quản thì cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố; cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

2. Người có trách nhiệm bảo quản vật chứng mà để mất mát, hư hỏng, phá hủy niêm phong, tiêu dùng, sử dụng trái phép, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại vật chứng của vụ án thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật.

Trường hợp thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy, làm hư hỏng vật chứng của vụ án nhằm làm sai lệch hồ sơ vụ án thì phải chịu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của luật.

<sup>19</sup> Điểm i khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định bị can có quyền: “*Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu*”

<sup>20</sup> Khoản 1 Điều 82 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: “*1. Sau khi kết thúc điều tra, nếu có yêu cầu đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm bố trí thời gian, địa điểm để người bào chữa đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án*”.

Việc quy định theo hướng Nhà nước bảo đảm kinh phí đối với chi phí sao chụp tài liệu là nhằm đảm bảo thực hiện trên thực tế quyền của bị can được đọc, ghi chép bản sao tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội; việc quy định bị can chịu chi phí sao chụp trong trường hợp có yêu cầu vẫn đảm bảo quyền của bị can được đọc, ghi chép bản sao tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội, đồng thời giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, đối với trường hợp bị can bị tạm giam, không có người thân thích, không có tài sản thì sẽ không đảm bảo được quyền này. Về quy định mức chi phí sao chụp tài liệu là 1.500đ/trang A4 là tương đồng với mức lệ phí sao chụp tài liệu tại Tòa án quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

- Bổ sung quy định về chi phí sao chụp hồ sơ phát sinh trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo hướng Nhà nước đảm bảo kinh phí và chi phí sao chụp trong trường hợp này là 1.500đ/trang A4.

Việc quy định Nhà nước đảm bảo kinh phí trong trường hợp này là do đây chi phí phát sinh trong quá trình tiến hành tố tụng. Về mức chi phí sao chụp là 1.500đ/trang A4 là tương đồng với mức lệ phí sao chụp tài liệu tại Tòa án quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

### ***11.3. Chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính***

Theo quy định tại Điều 88 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án phải chỉ định người đại diện trong một số trường hợp nhất định và theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 60 Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án chỉ định đại diện đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Các văn bản luật này không quy định người đại diện trong những trường hợp Tòa án phải chỉ định như vậy được thanh toán chi phí khi tham gia tố tụng nhưng thực tiễn cho thấy để đảm bảo quyền của những người này khi tham gia tố tụng (trương tự những chủ thể khác phải tham gia tố tụng theo yêu cầu của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng) thì cần quy định việc chi trả chi phí cho họ.

Dự thảo Pháp lệnh bổ sung quy định xác định và thanh toán chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định như sau: Việc xác định và thanh toán chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định được thực hiện theo quy định tại Điều 51 và các khoản 1, 2, 3 Điều 50 của Pháp lệnh này. Trường hợp người đại diện do Tòa án chỉ định là trợ giúp viên pháp lý, luật sư do Trung tâm Trợ giúp pháp lý cử thì việc xác định và thanh toán chi phí được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Pháp lệnh này.

Việc quy định như trên là do trong một số trường hợp nhất định đương sự được Tòa chỉ định người đại diện cũng là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7, Điều 27 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, việc thanh toán chi phí cho người đại diện thực hiện theo quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm chi trả chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định theo hướng: Tòa án chỉ định người đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm c khoản 2 Điều 60 luật Tố tụng hành chính có trách nhiệm chi trả chi phí cho người đại diện. Chi phí cho người đại diện do Tòa án chỉ định được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của Tòa án nhân dân.

Việc quy định như trên nhằm đảm bảo quyền lợi của người đại diện do Tòa án chỉ định và đảm bảo hoạt động tố tụng của Tòa án.

Quy định này phù hợp với các chi phí thực tế phát sinh cho người đại diện do Tòa án chỉ định và phù hợp với các loại chi phí khác của dự thảo Pháp lệnh.

Trên đây là Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Pháp lệnh Chi phí tố tụng./.

***Nơi nhận:***

- Như kính trình;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban chỉ đạo CCTP Trung ương;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, UBTWMTTQVN, Liên đoàn luật sư Việt Nam;
- Các đồng chí thành viên Ban Soạn thảo;
- Các đồng chí thành viên Tổ Biên tập;
- Lưu VT, Vụ PC&QLKH TANDTC.

**CHÁNH ÁN**

**Nguyễn Hòa Bình**